

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Phương pháp đánh giá: Đạt/Không đạt.

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công		
a)	Tổ chức mặt bằng công trường	Có giải pháp kỹ thuật (thuyết minh và bản vẽ) hợp lý, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế và tiến độ thi công, đồng thời đảm bảo các nội dung sau: - Bố trí công ra vào công trường, lán trại, hàng rào che chắn, biển báo công trình. - Kho bãi tập kết vật liệu, thiết bị thi công, tập kết chất thải. - Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước phục vụ sinh hoạt và thi công. - Giải pháp liên lạc trong công trường.	Đạt
		Không có thuyết minh; hoặc không có bản vẽ; hoặc có nhưng không hợp lý, không phù hợp với biện pháp, tiến độ thi công và hiện trạng công trình.	Không đạt
b)	Giải pháp thi công tổng thể giữa các hạng mục, bộ phận công trình	Có thuyết minh và bản vẽ giải pháp thi công tổng thể giữa các hạng mục, bộ phận công trình đảm bảo tính hợp lý, khả thi theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo không bị chồng chéo các hạng mục của gói thầu và phù hợp với tiến độ thi công theo yêu cầu của gói thầu.	Đạt

		Không có thuyết minh hoặc không có bản vẽ hoặc có nhưng không đảm bảo tính hợp lý, không khả thi theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật, không đảm bảo không bị chồng chéo các hạng mục của gói thầu và không phù hợp với tiến độ thi công theo yêu cầu của gói thầu.	Không đạt
c)	Biện pháp tổ chức thi công cho gói thầu đang xét	Có thuyết minh và bản vẽ biện pháp tổ chức thi công chi tiết các hạng mục của gói thầu; đảm bảo tính khả thi, phù hợp với hiện trạng công trình, các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định pháp luật hiện hành.	Đạt
		Không có thuyết minh; hoặc không có bản vẽ; hoặc có nhưng đề xuất hoàn toàn không khả thi, sai lệch cơ bản về công nghệ thi công so với thiết kế được duyệt; hoặc không phù hợp với hiện trạng công trình, các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định pháp luật hiện hành.	Không đạt
d)	Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông nội bộ và khu vực lân cận dự án	Có thuyết minh và bản vẽ thể hiện phương án đảm bảo an toàn giao thông phù hợp với kế hoạch và tiến độ thi công tổng thể.	Đạt
		Không có phương án bảo đảm an toàn giao thông (thiếu thuyết minh hoặc bản vẽ); hoặc có nhưng không phù hợp với kế hoạch và tiến độ thi công tổng thể.	Không đạt
2	Tiến độ thi công		
a)	Thời gian thực hiện	Đề xuất thời gian thi công không quá 180 ngày (đã tính đến các yếu tố thời tiết bất lợi) kể từ ngày khởi công.	Đạt
		Đề xuất thời gian thi công vượt quá 180 ngày .	Không đạt
b)	Biểu tiến độ thi công	Biểu tiến độ chi tiết, hợp lý, khả thi; phù hợp với biện pháp tổ chức thi công và điều kiện thực tế của gói thầu.	Đạt
		Không có biểu tiến độ; hoặc biểu tiến độ không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với biện pháp thi công và điều kiện thực tế.	Không đạt

c)	Tính phù hợp giữa tiến độ thi công với kế hoạch huy động thiết bị, nhân lực và vật tư	Có thuyết minh và biểu đồ thể hiện sự phù hợp giữa tiến độ thi công với kế hoạch huy động thiết bị, nhân lực và vật tư.	Đạt
		Không có thuyết minh; hoặc không có biểu đồ; hoặc có thuyết minh và biểu đồ nhưng không phù hợp giữa tiến độ thi công với kế hoạch huy động thiết bị, nhân lực và vật tư.	Không đạt
d)	Biện pháp đảm bảo tiến độ	Có phương án duy trì thi công khi gặp sự cố (mất điện, hư hỏng thiết bị...); có biện pháp đẩy nhanh tiến độ khi cần thiết (tăng cường nhân sự, làm thêm giờ, dự phòng vật tư).	Đạt
		Không có phương án duy trì thi công khi gặp sự cố; hoặc không có biện pháp đẩy nhanh tiến độ khi cần thiết; hoặc có nhưng không phù hợp với biện pháp thi công và điều kiện thực tế.	Không đạt
3	Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường		
a)	Tổ chức quản lý dự án	Có sơ đồ và thuyết minh, thể hiện rõ hệ thống quản lý dự án từ Công ty, của từng thành viên liên danh (nếu có) cho tới Ban chỉ huy công trường trong việc cung ứng nhân lực, thiết bị, nguồn lực tài chính cho gói thầu.	Đạt
		Không có sơ đồ hoặc không có thuyết minh hoặc có nhưng chưa thể hiện rõ hệ thống quản lý dự án từ Công ty, của từng thành viên liên danh (nếu có) cho tới Ban chỉ huy công trường trong việc cung ứng nhân lực, thiết bị, nguồn lực tài chính cho gói thầu.	Không đạt
b)	Tổ chức quản lý hiện trường	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm từng thành viên, nhân sự chủ chốt theo yêu cầu của E-HSMT và hợp lý.	Đạt
		Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường hoặc thể hiện sơ đồ tổ chức của Ban điều hành sơ sai (không xác định trách nhiệm và liên hệ giữa các chức danh) và thuyết minh sơ đồ, không ghi rõ trách nhiệm từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý.	Không đạt

4 Các biện pháp bảo đảm chất lượng			
a)	Biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công	Có đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công nêu tại Khoản c, Mục 1 (Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công) và đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.	Đạt
		Thiếu biện pháp cho một hoặc nhiều công tác thi công đã nêu tại Khoản c, Mục 1; hoặc trích dẫn tiêu chuẩn hết hiệu lực; hoặc nội dung biện pháp trái với quy định của tiêu chuẩn hiện hành.	Không đạt
b)	Sơ đồ quản lý chất lượng	Có sơ đồ và thuyết minh cụ thể về trách nhiệm và quyền hạn của bộ phận quản lý chất lượng.	Đạt
		Không có sơ đồ; hoặc không có thuyết minh; hoặc có sơ đồ và thuyết minh nhưng nội dung chưa hợp lý, thiếu tính khả thi hoặc không phù hợp với thực tế thi công.	Không đạt
c)	Biện pháp kiểm soát vật tư, vật liệu đầu vào	- Có biện pháp kiểm soát chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào phù hợp với các quy chuẩn xây dựng hiện hành. - Có quy trình xử lý cụ thể đối với các loại vật tư, vật liệu không đạt yêu cầu.	Đạt
		- Không có biện pháp kiểm soát hoặc có đề xuất nhưng chưa hợp lý. - Biện pháp thiếu tính khả thi, không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của dự án hoặc không phù hợp với thực tế thi công.	Không đạt
d)	Biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị	Có biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị trong suốt quá trình thi công; có phương án bảo vệ cụ thể khi xảy ra mưa bão, thiên tai.	Đạt
		Không có biện pháp; hoặc có nhưng chưa hợp lý, thiếu tính khả thi, không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật hoặc thực tế.	Không đạt

e)	Biện pháp quản lý các tài liệu, hồ sơ	Có quy trình quản lý hồ sơ hoàn công, tài liệu nghiệm thu, thanh toán và quyết toán phù hợp với quy định hiện hành.	Đạt
		Không có quy trình; hoặc có nhưng chưa hợp lý, thiếu tính khả thi, không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật hoặc thực tế thi công.	Không đạt
f)	Nhật ký thi công xây dựng công trình và bản vẽ hoàn công	Có thuyết minh triển khai thực hiện nội dung nhật ký thi công xây dựng công trình và bản vẽ hoàn công phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng hiện hành.	Đạt
		Không trình bày đầy đủ các nội dung yêu cầu hoặc có trình bày nhưng chiếu lệ, sơ sài.	Không đạt
g)	Giải pháp trắc đạc, quản lý công tác đo đạc, quan trắc, định vị mốc giới công trình	- Đề xuất giải pháp trắc đạc chi tiết, khoa học và phù hợp với yêu cầu của gói thầu và quy định của pháp luật. - Có biện pháp thiết lập, bảo vệ và quản lý mốc chuẩn, mốc không chế, đảm bảo độ chính xác cao trong suốt quá trình thi công. - Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan.	Đạt
		Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
h)	Giải pháp tổ chức, quản lý thí nghiệm xây dựng trong quá trình thi công xây dựng công trình	- Đề xuất được kế hoạch thí nghiệm khoa học, đầy đủ, tuân thủ E-HSMT và các quy định pháp luật hiện hành. - Đề xuất đơn vị thí nghiệm có đầy đủ năng lực đáp ứng công trình đang dự thầu và được cấp phép theo quy định (Nhà thầu có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thí nghiệm có đủ năng lực, khả năng để thực hiện các phép thử dành riêng cho gói thầu). - Có quy trình quản lý mẫu, giám sát và xử lý kết quả rõ ràng, đảm bảo chất lượng vật liệu được kiểm soát chặt chẽ.	Đạt
		Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên.	Không đạt

i)	Tiêu chuẩn, quy chuẩn thi công, nghiệm thu áp dụng cho công tác thi công công trình	- Nêu rõ danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho từng hạng mục công việc gói thầu. - Có quy trình kiểm soát chất lượng, thí nghiệm vật liệu, kiểm tra và nghiệm thu nội bộ rõ ràng. - Các tiêu chuẩn viện dẫn phù hợp với lĩnh vực công trình.	Đạt
		Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
5 Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như an toàn lao động, Phòng cháy chữa cháy			
a)	An toàn lao động	Có đề xuất các nội dung phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và tiến độ thi công của E-HSMT, bao gồm: - Biện pháp bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng công trình theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ. - Biện pháp đảm bảo an toàn lao động chi tiết cho từng công đoạn thi công. - Kế hoạch tập huấn an toàn lao động cho công nhân tại công trình. - Biện pháp đảm bảo an toàn cho học sinh, giáo viên của trường trong quá trình thi công khi có học sinh, giáo viên giảng dạy và học tập tại trường.	Đạt
		- Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
b)	Vệ sinh môi trường	Có đề xuất phù hợp với đề xuất kỹ thuật, tiến độ thi công và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của E-HSMT, đối với: - Giải pháp kỹ thuật, biện pháp bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình (Tiếng ồn, Khói, Bụi). - Kiểm soát nước thải (nước thải thi công và nước thải từ vệ sinh công nhân tại công trình). - Kiểm soát rác thải, vệ sinh (rác thải rắn trong xây dựng và rác thải sinh	Đạt

		hoạt). - Có biện pháp che chắn, phủ bạt, rửa xe, vệ sinh bánh xe, thu gom bùn đất, bụi bẩn để tránh gây ô nhiễm và mất an toàn. - Có biện pháp thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải xây dựng đúng quy định.	
		Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
c)	Phòng cháy chữa cháy	Có đề xuất phù hợp với đề xuất kỹ thuật, tiến độ thi công và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của E-HSMT, đối với: - Quy định, quy phạm tiêu chuẩn áp dụng. - Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ. - Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ tại công trường và phân công trách nhiệm của các bên có liên quan.	Đạt
		Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
6 Bảo hành, bảo trì			
a)	Thời gian bảo hành công trình:	Nhà thầu có văn bản cam kết thời gian bảo hành công trình đúng quy định (tối thiểu 12 tháng).	Đạt
	- Nhà thầu phải có văn bản cam kết thời gian bảo hành công trình tính từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. - Thời gian bảo hành bắt buộc phải ≥ 12 tháng (hoặc theo quy định cụ thể của dự án).	Không có cam kết bảo hành hoặc thời gian bảo hành đề xuất ngắn hơn thời gian quy định trong E-HSMT.	Không đạt
b)	Công tác bảo trì	Có đề xuất quy trình và kế hoạch bảo trì công trình xây dựng trong thời gian bảo hành đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của E-HSMT, chỉ dẫn kỹ thuật và quy	Đạt

		định của pháp luật liên quan.	
		Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của E-HSMT và chỉ dẫn kỹ thuật hoặc không đáp ứng quy định của pháp luật liên quan.	Không đạt
7	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		
a)	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng. <i>Ghi chú: Trường hợp liên danh dự thầu thì từng thành viên trong liên danh phải có văn bản cam kết theo yêu cầu.</i>	Nhà thầu có văn bản cam kết trong 02 năm trở lại đây không vi phạm các hành vi sau: a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu. b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. d) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. e) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. g) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu.	Đạt

	h) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng. i) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn. k) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước. Hoặc - Nhà thầu nộp bảo lãnh dự thầu gấp 03 lần giá trị bảo lãnh theo yêu cầu của E-HSMT, trong trường hợp nhà thầu vi phạm các hành vi trên.	
	Nhà thầu không có văn bản cam kết trong 02 năm trở lại đây không vi phạm các hành vi sau: a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu. b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. d) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng.	Không đạt

		e) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. g) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu. h) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng. i) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn. k) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước. Hoặc - Nhà thầu không nộp bảo lãnh dự thầu gấp 3 lần giá trị bảo lãnh theo yêu cầu của E-HSMT, trong trường hợp nhà thầu vi phạm các hành vi trên. Ghi chú: Trừ trường hợp nhà thầu đồng thời được xếp thứ nhất ở nhiều gói thầu hoặc do bất khả kháng.	
8	Các yếu tố cần thiết khác		
a)	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về vật tư, vật liệu chủ yếu: Bê tông nhựa; Nhũ tương; Xi măng PC40; Cát các loại; Cấp phối đá dăm; Tôn sóng vuông; Sơn dầu các loại; Bột bả; Sơn nước nội ngoại thất; Dung dịch chống thấm; Thép tròn các loại; Gạch xây dựng các loại; Gạch ốp, lát các loại; Gạch	- Có bảng kê danh sách tất cả vật tư, vật liệu với xuất xứ rõ ràng. - Có đầy đủ Hợp đồng nguyên tắc cho các loại vật tư chủ yếu (kèm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà cung cấp có ngành nghề kinh doanh phù hợp). - Không có bảng kê danh mục vật tư hoặc kê khai thiếu chi tiết, không nêu rõ xuất xứ và nhãn hiệu.	Đạt Không đạt

terrazzo; Gạch mosaic; Đá granite tự nhiên; Cửa đi, cửa sổ khung nhôm; Tấm thạch cao; Tấm nhựa PVC; Cáp các loại; Quạt trần 75w; Đèn led các loại; Máy biến áp 1 pha 75KV_a; Chậu xí, chậu tiểu, lavabo các loại; Thang inox; Bộ chữ inox bảng tên trường mạ đồng; Đèn thoát hiểm. - Tài liệu chứng minh: 1. Có bảng kê danh sách tất cả vật tư, vật liệu chủ yếu sử dụng cho công trình. Bảng kê phải thể hiện đầy đủ các thông tin: Tên hàng hóa, quy cách kỹ thuật, nhãn hiệu, nhà sản xuất và xuất xứ rõ ràng. 2. Có Hợp đồng nguyên tắc cung ứng vật tư giữa Nhà thầu và Nhà sản xuất (hoặc Đại lý phân phối chính thức hoặc đơn vị cung cấp có đủ năng lực) dành riêng cho gói thầu này. Đính kèm theo đó là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà cung cấp có ngành nghề kinh doanh phù hợp.	- Không có Hợp đồng nguyên tắc cung ứng vật tư dành riêng cho gói thầu. - Nhà cung cấp không có ngành nghề kinh doanh phù hợp theo quy định pháp luật.	
--	--	--